

Số: 06/2017/QĐST-KDTM

Bà Rịa, ngày 26 tháng 6 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2015/TLST-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2015.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: Số 35 phố H, phường L, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, sinh năm: 1964 – Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân H, sinh năm: 1963 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh B.

Ủy quyền tham gia tố tụng lại cho bà Tạ Thị Thu T, sinh năm: 1975 – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh B.

Bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1953; địa chỉ: Số 256 tổ 3, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Lê Công T, sinh năm: 1973 và bà Lưu Diễm T, sinh năm: 1976; địa chỉ: Số 256 tổ 3, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Hoàng N, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số 256 tổ 3, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Bà Bùi Thị T xác nhận tính đến hết ngày 15/6/2017 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 499.713.940 (bốn trăm chín mươi chín triệu, bảy

trăm mười ba ngàn, chín trăm bốn mươi) đồng (trong đó vốn gốc 212.500.000đ, lãi trong hạn 00đ và lãi quá hạn 287.213.940đ) theo hợp đồng tín dụng kiêm bảo đảm tiền vay số 01/2009/HĐ ngày 03/6/2009 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh B với bà Bùi Thị T.

Bà Bùi Thị T đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày hết 15/6/2017 là 499.713.940đ (trong đó vốn gốc 212.500.000đ, lãi trong hạn 00đ và lãi quá hạn 287.213.940đ) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ và đồng ý thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/6/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm bảo đảm tiền vay số 01/2009/HĐ ngày 03/6/2009.

Trường hợp bà Bùi Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ gốc và nợ lãi, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 250m² đất ở thuộc thửa 26563.22.786 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 808360; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00419 do UBND thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh B cấp ngày 09/9/2005 cho bà Bùi Thị T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 160/2009/HĐ số CIF 129981 ngày 01/6/2009 giữa bên thế chấp bà Bùi Thị T với bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh B; đăng ký giao dịch bảo đảm lúc 16 giờ 00 phút, ngày 01/6/2009 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B).

Trường hợp bà Bùi Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ gốc và nợ lãi thì vợ chồng Lê Công T, bà Lưu Diễm T đồng ý phát mãi luôn căn nhà cấp 3A3 gắn liền với công trình phụ diện tích 73,1m² tọa lạc trên một phần thửa đất 26563.22.786 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 808360; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00419 do UBND thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh B cấp ngày 09/9/2005 cho bà Bùi Thị T. Về giá trị căn nhà do vợ chồng ông Lê Công T, bà Lưu Diễm T xây dựng trên đất và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữ vợ chồng ông Lê Công T, bà Lưu Diễm T với bà Bùi Thị T các bên tự thỏa thuận với nhau, nếu như không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Sau khi bà Bùi Thị T thanh toán xong toàn bộ số nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 808360; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00419 do UBND thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh B cấp ngày 09/9/2005 cho bà Bùi Thị T.

2.1 Về chi phí đo vẽ, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Bùi Thị T đồng ý chịu toàn bộ chi phí đo vẽ, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ là 8.951.555đ, nhưng do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ và ông Lê Công T đã nộp tạm ứng nên bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng 5.951.555 (năm triệu, chín trăm năm mươi một ngàn, năm trăm năm mươi lăm) đồng và hoàn trả cho ông T 3.000.000 (ba triệu) đồng.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị T đồng ý nộp toàn bộ án phí vụ kiện là 11.994.279 (mười một triệu, chín trăm chín mươi bốn ngàn, hai trăm bảy mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng gia đình thuộc hộ cận nghèo giai đoạn 2016 – 2020 (theo chuẩn tỉnh) (sổ hộ cận nghèo số 024/SHCN-CT do UBND thành phố B cấp ngày 20/9/2016) và có hoàn cảnh gia đình khó khăn được UBND phường L, thành phố B xác nhận ngày 21/6/2017 nên được giảm $\frac{1}{2}$ án phí theo quy định. Như vậy, bà Bùi Thị T phải nộp 5.997.000 (năm triệu, chín trăm chín mươi bảy ngàn) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được hoàn trả 11.619.000 (mười một triệu, sáu trăm mười chín ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/05687 ngày 24/3/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Lê Công T, bà Lưu Diễm T được hoàn trả 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/05947 ngày 03/9/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Hoàng Đức

